

Bản án số 36/2020/DS-ST

Ngày 21 tháng 9 năm 2020.

V/v “*Chia di sản thừa kế*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. THANH KHÊ - TP. ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thế Quyết.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Minh Anh – Chức vụ: Kiểm sát viên

Ngày 21.9. 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 420/2017/TLST-DS ngày 15. 12. 2017 về việc “*Chia di sản thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2020/QĐST-DS ngày 22.6.2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 420/2019/QĐST - DS ngày 21.7.2020 giữa:

**** Nguyên đơn:***

- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số K173/11 đường V, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: Số K383/19 đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

**** Bị đơn:***

- Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963; địa chỉ: Số K364/16/02 đường D, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961; địa chỉ: Số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:***

- Bà Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988; địa chỉ: Số K173/11 đường V, phường T, quận K, thành phố Đà Nẵng

- Bà Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995; địa chỉ: Số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng.

Đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy ủy quyền

số chứng thực 07 quyền số 01/2018 TP/SCT/HĐ, GD ngày 17/01/2018 và Giấy ủy quyền số chứng thực 07 quyền số 01 –SCT/CK, ĐC ngày 18/01/2018) (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950; địa chỉ: Phòng 502 Lầu 5 Khu A3, chung cư Đ, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951; địa chỉ: Tổ 7, ấp C, xã T, huyện P, tỉnh Bình Phước (vắng mặt và có đề nghị xét xử vắng mặt).

- Ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960; địa chỉ: Số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1975; địa chỉ: Số K113/14A đường T, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

- Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng; địa chỉ: Số 209 đường P, quận K, thành phố Đà Nẵng (vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bà Hồ Thị M1, sinh năm 1984; địa chỉ: Số K145/41 đường T, phường N, quận C, thành phố Đà Nẵng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Cha tôi là ông Nguyễn Văn H2 và mẹ tôi là bà Trần Thị K. Quá trình chung sống, cha mẹ tôi có tất cả 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950; ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951; ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955 (đã mất năm 2016); bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961; ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1975. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có người con nào khác.

Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955, mất năm 2016, có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 và có 02 con chung là Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988 và Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995.

Sinh thời cha mẹ tôi tạo dựng được khối tài sản chung là ngôi nhà và đất có diện tích đất 184,6m² tại số K351/05B đường P, tổ 61, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày ../../2006.

Cha tôi là ông Nguyễn Văn H2 mất ngày 07/9/1982 không để lại di chúc.

Đến ngày 02/11/2011, mẹ tôi lập di chúc với nội dung để lại toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà cho hai con là Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Thị T. Di chúc được lập tại Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng và có hai người làm chứng là ông Nguyễn T7, sinh năm 1972 và ông Nguyễn Ngọc T8, sinh năm 1982.

Ngày 03/3/2015 mẹ tôi mất. Đến năm 2016 thì ông Nguyễn Văn T6 cũng mất nên những người thừa kế của ông T6 là vợ tên Nguyễn Thị H và 02 con chung

là Nguyễn Hồng T3 và Nguyễn Hoàng T4 được hưởng phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn T6 nhận theo di chúc của bà Trần Thị K để lại.

Sau khi mẹ tôi mất, chị em chúng tôi đã nhiều lần họp gia đình để thỏa thuận phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại và thực hiện thủ tục khai nhận di sản thừa kế theo di chúc. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2 cho rằng bản di chúc không hợp pháp và không đồng ý phân chia di sản của mẹ tôi theo nội dung di chúc.

Vì không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 02/11/2011 do mẹ tôi là bà Trần Thị K để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là nhà và đất tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho tôi và các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn T6 là bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4. Tôi và bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4 thống nhất nhận chung phần di sản thừa kế do mẹ tôi để lại, không chia rõ từng kỷ phần và xin nhận bằng hiện vật.

Riêng đối với phần di sản mà mẹ tôi, tôi và các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 được hưởng theo quy định pháp luật của cha tôi ông Nguyễn Văn H2 để lại thì tôi, bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4 thống nhất từ chối nhận phần di sản này và tặng cho phần di sản này cho bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T5 hưởng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc hủy bản di chúc ngày 02/11/2011 của mẹ tôi vì cho rằng bản di chúc không hợp pháp thì tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

Hiện nay nhà và đất nói trên do ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị T2 đang quản lý, sử dụng.

Theo đơn khởi kiện, tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Chồng tôi là ông Nguyễn Văn T6. Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung là Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988 và Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995. Sinh thời cha mẹ chồng tôi là ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị K tạo dựng được tài sản chung là ngôi nhà và đất có diện tích đất 184,6m² tại số K351/05B đường P, tổ 61, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày .././2006.

Cha chồng tôi mất vào ngày 07/9/1982 không để lại di chúc.

Đến ngày 03/3/2015 thì mẹ chồng tôi mất và để lại di chúc với nội dung để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà cho hai con là Nguyễn Văn T6 và Nguyễn Thị T. Đến năm 2016, chồng tôi mất không để lại di chúc nên những người thừa kế của chồng tôi bao gồm tôi và 02 con chung. Do vậy, chúng tôi được hưởng phần di sản thừa kế của chồng tôi nhận theo di chúc của bà Trần Thị K để lại. Sau khi bà K mất thì các con của bà K không

thống nhất việc phân chia di sản của cha mẹ để lại và ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 cho rằng bản di chúc của bà Trần Thị K không hợp pháp nên không đồng ý phân chia di sản theo nội dung di chúc. Vì không thống nhất được việc phân chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị K để lại nên tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế theo di chúc ngày 02/11/2011 do bà Trần Thị K để lại là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản là ngôi nhà và đất tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho bà Nguyễn Thị T, tôi và 02 con Nguyễn Hồng T3 và Nguyễn Hoàng T4. Tôi cùng 02 con và bà Nguyễn Thị T thống nhất nhận chung phần di sản thừa kế do bà Trần Thị K để lại, không chia rõ từng kỷ phần và xin nhận bằng hiện vật.

Riêng đối với phần di sản mà bà Trần Thị K, bà Nguyễn Thị T, tôi và 02 con chung được hưởng theo quy định pháp luật của ông Nguyễn Văn H2 để lại thì tôi cùng 02 con và bà Nguyễn Thị T thống nhất từ chối nhận phần di sản này và tặng cho phần di sản này cho bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Văn T5 hưởng.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc hủy bản di chúc ngày 02/11/2011 của bà Trần Thị K vì cho rằng bản di chúc không hợp pháp thì tôi không đồng ý, đề nghị Tòa án căn cứ quy định pháp luật để giải quyết.

** Theo đơn trình bày, tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày:*

Cha tôi là ông Nguyễn Văn H2 và mẹ tôi là bà Trần Thị K. Cha mẹ tôi có tất cả 08 người con là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951, ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955 (đã mất); bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961, ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1975. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có người con nào khác.

Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955, mất năm 2016 có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988 và Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995.

Sinh thời cha mẹ tôi tạo dựng được 01 ngôi nhà và đất có diện tích đất 184,6m² tại địa chỉ số K351/05B đường P, tổ 61, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày ../../2006.

Cha tôi mất vào ngày 07/9/1982 và không để lại di chúc. Đến ngày 03/3/2015 thì mẹ tôi cũng mất.

Sau khi mẹ tôi mất thì bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thừa kế (là nhà và đất tại số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng) theo di chúc lập ngày 02/11/2011 tại Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng của mẹ tôi để lại cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 là bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4 thì tôi không đồng ý vì bản di chúc này không hợp pháp. Tôi đề nghị giữ nguyên ngôi nhà và đất

tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị T2 quản lý, sử dụng và thờ cúng.

Đồng thời, tôi đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Bản di chúc lập ngày 02/11/2011, tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng và xem xét thủ tục việc sang tên trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với ngôi nhà và đất tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng từ tên cha mẹ tôi sang tên mẹ tôi mà không thông qua ý kiến của các anh em trong gia đình.

Tôi giữ nguyên yêu cầu phản tố về việc đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc ngày 02/11/2011 của bà Trần Thị K vô hiệu vì bản di chúc không hợp pháp.

** Theo đơn trình bày, tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị T2 trình bày:*

Tôi thống nhất với phần trình bày của ông Nguyễn Văn T1 về tên cha mẹ tôi, các hàng thừa kế thứ nhất và di sản thừa kế của cha mẹ tôi để lại.

Cha tôi mất vào ngày 07/9/1982 không để lại di chúc. Ngày 02/11/2011, mẹ tôi lập di chúc tại Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà cho hai con là ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T thì tôi không biết sự việc này.

Đến nay, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế là nhà và đất tại số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng) theo di chúc do mẹ tôi để lại lập ngày 02/11/2011 cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 là bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4 thì tôi không đồng ý.

Tôi đề nghị giữ nguyên ngôi nhà và đất tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng để anh em tôi có nơi ở và thờ cúng cha mẹ, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Bản di chúc lập ngày 02/11/2011, tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng.

** Tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Hồng T3 và Nguyễn Hoàng T4 là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Thống nhất như lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

** Theo đơn trình bày, tại các phiên họp hòa giải và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị Như L thống nhất trình bày:*

Chúng tôi thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Văn T1 về các hàng thừa kế thứ nhất và di sản thừa kế của cha mẹ chúng tôi là ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị K để lại.

Hiện nay, do anh em trong gia đình không thống nhất được việc chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại nên bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế (là ngôi nhà và đất tại số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng) theo di chúc do bà Trần Thị K để lại lập ngày 02/11/2011 thì chúng tôi không đồng ý.

Chúng tôi thống nhất đề nghị giữ nguyên ngôi nhà và đất tại địa chỉ số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng để anh em tôi có nơi ở và thờ cúng cha mẹ, đồng thời đề nghị Tòa án xem xét tính hợp pháp của Bản di chúc lập ngày 02/11/2011, tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng.

** Theo đơn trình bày, tại phiên họp hòa giải, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M trình bày:*

Cha mẹ tôi là ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1921, mất năm 1982 và bà Trần Thị K, sinh năm 1925, mất năm 2015. Cha mẹ tôi có tất cả 08 người con là bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1950, ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1951, ông Văn T6, sinh năm 1955 (đã mất); bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957; bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961, ông Nguyễn Văn T5, sinh năm 1960; ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị Như L, sinh năm 1975. Ngoài ra, cha mẹ tôi không có người con nào khác.

Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955, mất năm 2016 và có vợ là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961, có 02 con chung tên là Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988 và Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995.

Sinh thời cha mẹ tôi tạo dựng được khối tài sản chung là nhà và đất có diện tích đất 184,6m² tại số K351/05B đường P, tổ 61, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày ../../2006.

Cha tôi mất vào ngày 07/9/1982 không để lại di chúc. Đến ngày 02/11/2011, mẹ tôi lập di chúc tại Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà cho hai con là ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T. Sau khi mẹ tôi mất thì đến năm 2014, tôi mới biết việc mẹ tôi có lập di chúc. Tôi có ý kiến về bản di chúc này như sau: Tôi không đồng ý với bản di chúc này. Vì thời điểm lập di chúc, mẹ tôi đang bị bệnh, tinh thần không được tỉnh táo và minh mẫn. Mặt khác, khi làm di chúc không có sự xác nhận tình trạng bệnh tật của bác sỹ và không có sự chứng kiến của các đồng thừa kế.

Nay, bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế theo di chúc do bà Trần Thị K để lại theo Bản di chúc ngày 02/11/2011 (là nhà và đất tại số K351/05B đường P, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng) cho bà Nguyễn Thị T và các đồng thừa kế hàng thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 là bà Nguyễn Thị H, cháu Nguyễn Hồng T3 và cháu Nguyễn Hoàng T4 thì tôi không đồng ý.

Tôi đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ tôi thành 08 phần cho 8 anh chị em. Tôi đề nghị Tòa án chia theo quy định của pháp luật.

** Theo đơn trình bày, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng trình bày:*

Công chứng viên của Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện chứng nhận di chúc số 14... ngày 02/11/2011 do bà Trần Thị K lập cùng sự chứng

kiến của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc T8 và ông Nguyễn T7. Theo đó, bà Trần Thị K để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà K và phần di sản bà K được quyền thừa kế của chồng là ông Nguyễn Văn H2 để lại tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T.

Việc chứng nhận di chúc này đã được Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật và chứng nhận tại thời điểm bà Trần Thị K minh mẫn, sáng suốt, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự.

** Theo đơn gửi Tòa án và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị M1 trình bày:*

Tôi là con gái duy nhất của ông Nguyễn Văn T6 và bà Hồ Thị L. Ba mẹ tôi đã ly hôn và sau này ba tôi tái hôn với bà Nguyễn Thị H. Năm 2016, ba tôi mất không để lại di chúc. Việc ba tôi được hưởng một phần di sản do bà nội tôi là bà Trần Thị K để lại thì tôi có ý kiến là nếu di chúc là hợp pháp và ba tôi được hưởng một phần di sản của bà nội tôi thì tôi yêu cầu được hưởng một phần di sản mà ba tôi để lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu quan điểm xác định Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán thực hiện đầy đủ thủ tục trình tự tố tụng theo quy định của pháp luật; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc phân chia di sản thừa kế theo di chúc của bà Trần thị K để lại cho những người được hưởng di sản theo di chúc, phân chia bằng tiền tương ứng giá trị được hưởng, giao phần di sản cho ông T5 và bà T2 quản lý sử dụng và ông T5, bà T2 có nghĩa vụ bồi trả các giá trị tương ứng cho những người được hưởng di sản theo di chúc.

- Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc tuyên bố bản di chúc do bà Trần Thị K để lại là vô hiệu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T với bị đơn là ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T2 là tranh chấp về yêu cầu chia di sản thừa kế. Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn quận K nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn M và Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung vụ án:

Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện, ông Nguyễn Văn H2 và bà Trần Thị K là vợ chồng. Quá trình chung sống, ông H2 và bà K có tất cả 08 người con gồm: Bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn M, ông Nguyễn Văn T6, bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị T2, ông Nguyễn Văn T5, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Như L. Ngoài ra, ông H2 và bà K không có người con nào khác.

Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1955, mất năm 2016. Ông T6 có người vợ trước là bà Hồ Thị L và có 01 con chung là bà Hồ Thị M1, sinh năm 1984. Sau đó, ông T6 có vợ tiếp là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 và có 02 con chung là Nguyễn Hồng T3, sinh năm 1988 và Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 1995.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: Ông H2 bà K có tài sản chung là ngôi nhà và đất có diện tích đất 184,6m² tại số nhà K351/05B đường P, tổ 61, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày .././2006. Năm 1982, ông H2 chết không để lại di chúc. Năm 2015, bà K chết có để lại di chúc, nội dung di chúc cụ thể là bà K để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà K và phần di sản bà K được quyền thừa kế của chồng là ông Nguyễn Văn H2 để lại tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ: Số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T. Do các bên không thống nhất được việc phân chia di sản nên bà T và bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị K. Ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án tuyên bố bản di chúc do bà K để lại là vô hiệu.

Xét tính hợp pháp của bản di chúc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 02/11/2011, bà Trần Thị K lập bản di chúc có sự chứng kiến của 02 người làm chứng là ông Nguyễn Ngọc T8 và ông Nguyễn T7 tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng. Theo đó, bà Trần Thị K để lại toàn bộ phần đất và tài sản gắn liền với đất thuộc quyền sử dụng và sở hữu của bà K và phần di sản bà K được quyền thừa kế của chồng là ông Nguyễn Văn H2 để lại tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T. Hội đồng xét xử thấy rằng, nhà và đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng là tài sản chung của vợ chồng ông H2 bà K nên ông H2 bà K mỗi người có quyền sở hữu 50% giá trị tài sản đó theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Năm 1982, ông H2 chết không để lại di chúc nên ½ tài sản của ông H2 trở thành di sản và bà K được hưởng một phần thừa kế cùng với những

người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông H2. Như vậy, bà K có quyền định đoạt $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản và 01 kỷ phần di sản của ông H2 để lại nếu chia theo pháp luật. Bà K lập di chúc định đoạt phần tài sản đó cho ông T6 và bà T là hoàn toàn đúng về nội dung, phù hợp quy định của Luật Đất đai và Bộ luật dân sự năm 2005. Việc lập di chúc được thực hiện bằng văn bản là phù hợp quy định tại Điều 649 Bộ luật dân sự 2005, di chúc có người làm chứng và được thực hiện tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng là đúng quy định tại Điều 654, 656, 658 Bộ luật dân sự năm 2005. Việc chứng nhận di chúc này đã được Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật và chứng nhận tại thời điểm bà Trần Thị K minh mẫn, sáng suốt, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006.

Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định Bản di chúc có số công chứng 14... ngày 02.11.2011 do bà K lập tại Phòng Công chứng A, thành phố Đà Nẵng là phù hợp về nội dung và tuân thủ về hình thức. Căn cứ quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2005 thì bản di chúc này được coi là di chúc hợp pháp. Vì di chúc hợp pháp nên những người được hưởng thừa kế theo nội dung di chúc có quyền hưởng phần di sản được định đoạt trong di chúc. Từ những nhận định đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế của bà K theo di chúc là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu phản tố của bị đơn về việc cho rằng Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng đã không làm đúng quy định của pháp luật khi chứng thực bản di chúc vì bà K khi đó đã lớn tuổi và không còn minh mẫn sáng suốt, 02 người làm chứng là người địa phương khác, gia đình còn 02 người con chưa có nhà ở nhưng bà K lại để lại di sản cho những người đã có gia đình và có nhà ở là không đúng. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi thực hiện chứng nhận di chúc, Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật và chứng nhận tại thời điểm bà Trần Thị K minh mẫn, sáng suốt, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 8 Luật Công chứng năm 2006. Những người làm chứng trong di chúc phù hợp quy định tại Điều 652 Bộ luật dân sự 2005 và bà K khi lập di chúc để lại di sản cho ông T6 và bà T đã thể hiện ý chí tự định đoạt của chủ sở hữu tài sản theo quy định của pháp luật. Do vậy, di chúc do bà K để lại phù hợp các quy định của pháp luật, có giá trị pháp lý, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu phản tố của bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 về việc tuyên bố bản di chúc vô hiệu là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

Vì di chúc hợp pháp nên di sản được chia theo nội dung di chúc mà bà K để lại. Ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T là hai người được hưởng di sản theo nội dung di chúc. Tuy nhiên, năm 2016 ông T6 chết nên vợ ông T6 là bà Nguyễn Thị H, con ông T6 là bà Hồ Thị M1, bà Nguyễn Hồng T3 và bà Nguyễn Hoàng T4 là những người thuộc hàng thừa kế thừa nhất của ông T6 được hưởng di sản phần

của ông T6 được hưởng theo nội dung di chúc. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T và bà H (bà H là đại diện theo ủy quyền của bà Hồng T3 và bà Hoàng T4) cũng như bà M1 chỉ yêu cầu nhận phần tài sản thuộc quyền định đoạt của bà K là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, còn phần di sản của bà K được hưởng của ông H2 để lại cho ông T6 bà T và kỷ phần di sản của ông H2 mà bà T ông T6 được hưởng nếu chia theo pháp luật thì bà H bà T nhường lại cho bà T2 và ông T5. Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của bà T, bà H, bà Hoàng T3, bà Hồng T4 và bà M1 là tự nguyện nên chấp nhận. Những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 và bà Nguyễn Thị T được quyền hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo nội dung di chúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp nhưng do đương sự không hợp tác nên việc xem xét thẩm định tại chỗ không tiến hành được. Hội đồng xét xử không có cơ sở để phân chia di sản bằng hiện vật cho bà H bà T mà sẽ chia di sản theo giá trị định giá tài sản theo kết quả định giá.

Theo chứng thư Thẩm định giá của Công ty V thì giá trị tài sản nhà và đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng là 4.722.628.577 đồng, trong đó giá trị quyền sử dụng đất là 4.650.170.177 đồng và giá trị tài sản trên đất là 72.458.400đ. Bà T và bà H yêu cầu nhận giá trị quyền sử dụng đất, không yêu cầu phân chia nhà vì cho rằng nhà đã hư hỏng và không còn giá trị, Hội đồng xét xử thấy phù hợp nên chấp nhận.

Năm 1982, ông H2 chết không để lại di chúc, đến nay những người thuộc hàng thừa kế của ông H2 không có yêu cầu chia di sản của ông H2 và trong quá trình giải quyết vụ án các bên cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết hay phân chia. Như vậy, phần di sản của ông H2 là $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng trở thành tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn H2. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị T2 đang quản lý sử dụng toàn bộ tài sản trên, đang thực hiện việc thờ cúng tổ tiên cha mẹ. Ông T5 và bà T2 chưa có gia đình và chưa có chỗ ở khác trong khi những người khác đã có chỗ ở ổn định nên nhu cầu về chỗ ở của ông T5 bà T2 là cần thiết hơn. Hội đồng xét xử giao phần di sản bà K để lại theo di chúc cho bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Văn T6 hưởng là $\frac{1}{2}$ giá trị quyền sử dụng đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng cho ông T5 bà T2 được quyền sử dụng và quản lý; $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản nhà và đất là phần di sản của ông H2 để lại trở thành tài sản chung của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất. Phần tài sản chung này ông T5 bà T2 chỉ là người quản lý, nếu sau này các bên có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án chia tài sản chung theo quy định của pháp luật.

[2.3] Như vậy, Hội đồng xét xử giao cho ông T5 và bà T2 sử dụng đất và sở hữu nhà tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28,

phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng (quyền sử dụng 92,3m² đất và quản lý 92,3m² đất trong tổng số 184,6m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng). Đồng thời, ông T5 bà T2 có nghĩa vụ bồi trả phần giá trị tương ứng cho bà T và những người thừa kế của ông Nguyễn Văn T6 là bà H, bà M1, bà Hồng T3 và bà Hoàng T4 theo giá trị được định giá tương ứng là 2.325.085.000đ, chia phần như sau:

- Bồi trả cho bà T 1.162.542.000đ;
- Bồi trả cho bà Nguyễn Thị H 290.635.500đ, bồi trả cho bà Hồ Thị M1 290.635.500đ, bồi trả cho bà Nguyễn Hồng T3 290.635.500đ, bồi trả cho bà Nguyễn Hoàng T4 290.635.500đ;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Người được hưởng di sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên giá trị tài sản được hưởng, cụ thể:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 46.876.000đ, bà Nguyễn Thị H phải chịu 14.531.000đ, bà Hồ Thị M1 phải chịu 14.531.000đ; bà Nguyễn Hồng T3 phải chịu 14.531.000đ, bà Nguyễn Hoàng T4 phải chịu 14.531.000đ.
- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận.

[4] Chi phí định giá tài sản bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị T phải chịu (đã nộp và chi phí chỉ xong cho tổ chức Thẩm định giá).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 649, 654, 656, 658 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Chia di sản thừa kế*” của bà Nguyễn Thị T, bà Nguyễn Thị H đối với ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị T2.

2. Xác định di sản thừa kế theo di chúc của bà Trần Thị K để lại là 92,3m² đất trong tổng số 184,6m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày ../../2006 đứng tên bà Trần Thị K và ông Nguyễn Văn H2 (chết) .

3. Xác định những người được hưởng di sản theo di chúc của bà Trần Thị K gồm bà Nguyễn Thị T và những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Văn T6 gồm bà Nguyễn Thị H, bà Hồ Thị M1, bà Nguyễn Hồng T3 và bà Nguyễn Hoàng T4.

Xử:

- Giao cho ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T2 được quyền sử dụng 92,3m² đất trong tổng số 184,6m² đất tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ số

K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày .././2006 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 (chết) và bà Trần Thị K.

- Giao cho ông Nguyễn Văn T5, bà Nguyễn Thị T2 được quyền quản lý 92,3m² đất trong tổng số 184,6m² đất và ngôi nhà tại thửa đất số 28, tờ bản đồ số 9, địa chỉ K351/5B đường P, tổ 28, phường C, quận K, thành phố Đà Nẵng, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 157... do UBND quận K, thành phố Đà Nẵng cấp ngày .././2006 đứng tên ông Nguyễn Văn H2 (chết) và bà Trần Thị K.

- Ông Nguyễn Văn T5 và bà Nguyễn Thị T2 có nghĩa vụ liên đới bồi đắp trả phần giá trị tương ứng cho bà Nguyễn Thị T số tiền 1.162.542.000đ; bồi đắp trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền 290.635.500đ, bồi đắp trả cho bà Hồ Thị M1 290.635.500đ, bồi đắp trả cho bà Nguyễn Hồng T3 số tiền 290.635.500đ; bồi đắp trả cho bà Nguyễn Hoàng T4 số tiền 290.635.500đ;

Sau khi hoàn thành nghĩa vụ giao tiền thì ông T5 bà T2 có trách nhiệm liên hệ các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm các thủ tục đứng tên đối với tài sản nói trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng thời gian và số tiền chậm thi hành án.

4. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn T1 về việc tuyên bố Bản di chúc có số công chứng 14... ngày 02.11.2011 do bà Trần Thị K lập tại Phòng công chứng A, thành phố Đà Nẵng vô hiệu.

5. Án phí dân sự sơ thẩm các đương sự phải chịu như sau:

- Bà Nguyễn Thị T phải chịu 46.876.000đ, được trừ 5.000.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 7902 ngày 15.12.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà T nộp tiếp 41.876.000đ.

- Bà Nguyễn Thị H phải chịu: 14.531.000đ, được trừ 5.000.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 7901 ngày 15.12.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, bà H nộp tiếp 9.531.000đ.

- Bà Hồ Thị M1 phải chịu 14.531.000đ

- Bà Nguyễn Hồng T3 phải chịu: 14.531.000đ.

- Bà Nguyễn Hoàng T4 phải chịu: 14.531.000đ.

- Ông Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000đ, được trừ vào 300.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 4172 ngày 11.9.2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn, những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người tham gia tố tụng khác vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Cường